

Bản án số: 226/2024/HC-PT  
Ngày 27 - 3 - 2024  
V/v “*Khiếu kiện các Quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tửu

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1108/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 12 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 657/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Phan Toàn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Ngô Văn H, sinh năm 1968; Địa chỉ: 1, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Luật sư Nguyễn Đình T1 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

**2. Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Nguyễn Xuân T2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Lê Hoàng Tuấn A - Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B (vắng mặt, có đơn

xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, đường V, KP G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Vũ Mộng Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: K.8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ:* Ông Ngô Văn H, sinh năm 1968; Địa chỉ 105/93/27, KP.7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

3.2. Cháu Phan Tiến Đ1, sinh năm 2012 (vắng mặt);

3.3. Cháu Phan Tiến Đ2, sinh năm 2016 (vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật của cháu Đ1, cháu Đ2:* Ông Phan Toàn T, sinh năm 1968 và bà Võ Mộng Đ3, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Toàn T là người khởi kiện.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, trình bày:***

Phần diện tích đất khoảng 28.000m<sup>2</sup> tại khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn T3 khai hoang, sử dụng từ trước năm 1975. Đến khoảng năm 1984-1985, UBND phường T phát động phong trào trồng cây xanh và tiến hành quy hoạch phần đất của ông T3 để sử dụng trồng rừng. Do ông T3 khiếu nại nên ngày 01 tháng 8 năm 1992, UBND phường T ban hành văn bản số 10/BC với nội dung “*Khi nào thu hoạch rừng, nếu ông T3 có nhu cầu sử dụng để sản xuất sinh sống, phường sẽ giải quyết giao lại đất*”.

Ngày 11 tháng 01 năm 1995, UBND thành phố B ban hành văn bản số 14/UB với nội dung xác nhận ý kiến của UBND phường T và chấp thuận phương án trao trả đất cho ông T3.

Năm 1993, ông Dương Đức C bao chiếm phần đất hoang và làm nhà tạm để sinh sống, ông T3 đòi lại đất nhưng không đòi phần đất này của ông C. Năm 2010, ông C chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông Phan Toàn T sử dụng, hai bên làm giấy mua bán viết tay. Ông T nhận đất và quản lý, sử dụng liên tục, đã xây dựng nhà ở và một số công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh. Đến năm 2017, UBND phường T đến yêu cầu ông T tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất, không cho tiếp tục quản lý, sử dụng với lý do là “đất công”. Không đồng ý với UBND phường, gia đình ông T đã khiếu nại sự việc đến nhiều cơ quan chức năng vì phần đất gia đình ông T đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc rõ ràng, được hình thành trước thời điểm có quy hoạch trồng rừng và sử dụng hơn 20 năm nay không có tranh chấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 22 tháng 8

năm 2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 03 tháng 12 năm 2019, UBND phường T ban hành Thông báo số 72/TB về việc thực hiện cưỡng chế. Nhận thấy các Quyết định hành chính nói trên đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T nên ông T đã khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định yêu cầu khởi kiện:

- Hủy Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 của UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Hủy Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

***Người bị kiện - Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:***

1. *Về nguồn gốc đất:* Hành vi vi phạm hành chính của ông Phan Toàn T tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08 phường T, thành phố B được thể hiện: Tại thửa đất số 62 có nguồn gốc đất rừng do UBND phường T quản lý (đất công), ông Dương Đức C chiếm sử dụng. Sau đó, ông C đã chuyển nhượng (bằng giấy viết tay đề ngày 12 tháng 11 năm 2010, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) cho ông Phan Toàn T sử dụng.

- Ngày 24 tháng 6 năm 2014, UBND phường T đã có Thông báo số 21/TB-UBND về việc trả lại đất công khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gửi đến ông Phan Toàn T cùng các hộ dân đang lấn chiếm đất do UBND phường T quản lý với nội dung UBND phường T yêu cầu các hộ tự tháo dỡ nhà ở và vật kiến trúc trên đất để trả lại mặt bằng theo đúng hiện trạng ban đầu, thời gian bàn giao mặt bằng chậm nhất là hết ngày 06 tháng 7 năm 2014. Nếu hết thời gian trên mà các hộ không bàn giao mặt bằng, UBND phường T sẽ tiến hành cưỡng chế, thu hồi theo quy định. Sau khi nhận được thông báo nêu trên, ông Phan Toàn T đã có đơn kiến nghị gửi đến các cơ quan chức năng, UBND thành phố B đã có văn bản số 12551/UBND-TCĐ ngày 03 tháng 12 năm 2016 về việc trả lời đơn của ông Phan Toàn T ngụ tại phường T với nội dung đơn kiến nghị của ông Phan Toàn T là không cơ sở xem xét giải quyết.

2. *Quá trình xử lý vụ việc vi phạm của ông Phan Toàn T:*

- Ngày 15 tháng 3 năm 2019, UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Phan Toàn T, ông T có mặt và ký tên vào biên bản.

- Ngày 01 tháng 04 năm 2019, UBND phường T đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 02/BB-XM đối với ông Phan Toàn T, ông T có mặt và ký tên vào biên bản.

- Ngày 27 tháng 6 năm 2019, UBND phường T đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 11/BB-XM đối với ông Phan Toàn T, ông T có mặt và ký tên vào biên bản.

- Ngày 27 tháng 6 năm 2019, UBND phường T có Tờ trình số 38/TTr-UBND về việc đề xuất ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T tại phường T, với nội dung đề xuất Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả về hành vi vi phạm *“chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do UBND phường T quản lý (diện tích chiếm khoảng 241,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08. Hiện trạng sử dụng trên đất đã dựng nhà tạm, vách đất diện tích khoảng 80m<sup>2</sup>) vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”* và do thời điểm vi phạm của ông Phan Toàn T được phát hiện vào khoảng năm 2014 đến nay đã hết thời hiệu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định (điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính), UBND phường T đề xuất Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 08 tháng 7 năm 2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T. Ngày 10 tháng 7 năm 2019, UBND phường T đã tổng đạt Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B đến ông Phan Toàn T. Tại Biên bản, ông T có ghi ý kiến như sau: *“tôi đang khiếu nại đến các cấp nên tôi không đồng ý nhận quyết định như trên”* và ký tên tại Biên bản (căn cứ Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định được coi là đã được giao).

- Ngày 22 tháng 7 năm 2019, UBND phường T đã tiến hành lập Biên bản kiểm tra về việc thực hiện nội dung Quyết định, thể hiện qua kiểm tra hiện trạng, ông Phan Toàn T chưa chấp hành khắc phục hậu quả theo Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2019, UBND phường T có Tờ trình số 50/TTr-UBND về việc đề xuất ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T tại phường T.

- Ngày 22 tháng 8 năm 2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2019 của UBND phường T về việc đề xuất ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện quyết định khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T tại phường T).

- Ngày 24 tháng 9 năm 2019, UBND phường T đã tổng đạt Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ của Chủ tịch UBND thành phố B đến ông Phan Toàn T - tại Biên bản số 01/BB-VVKNQĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 của UBND phường T về việc cá nhân không nhận Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, tuy nhiên ông T không nhận bản chính, chỉ nhận bản photo và ghi ý kiến như sau: *“Tôi, Phan Toàn T không nhận Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố B lý do đang khiếu nại Thanh tra Bộ T4 chưa được trả lời đơn”* và ký tên tại Biên bản. Ngày 24 tháng 10 năm 2019, ông T đã nhận bản chính Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B - theo Biên bản ngày 24 tháng 10

năm 2019 của UBND phường T. UBND phường T đã thực hiện tổng đạt thông báo về thời gian, địa điểm cưỡng chế và tổ chức vận động, tuyên truyền, giải thích đối với ông Phan Toàn T theo quy định, tuy nhiên, ông T không chấp hành.

- Ngày 12 tháng 12 năm 2019, UBND phường T đã phối hợp các ngành chức năng thực hiện cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về hành vi vi phạm của ông Phan Toàn T theo quy định.

### *3. Về quan điểm và ý kiến của người bị kiện:*

Qua kết quả rà soát quá trình giải quyết như nêu trên thể hiện việc ông Phan Toàn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 3296/QĐ- CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 của UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T là không có căn cứ xem xét giải quyết.

- Về trình tự thủ tục ban hành các Quyết định hành chính nêu trên thì việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 của UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định hành chính số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T do ông T đã có hành vi “*Chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do UBND phường T quản lý (diện tích chiếm khoảng 241,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08. Hiện trạng sử dụng trên đất đã dựng nhà tạm, vách đất diện tích khoảng 80m<sup>2</sup>) vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*” là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2023/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định:***

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng Điều 57, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 2 Điều 10, Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

### *Tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Toàn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của

Chủ tịch UBND thành phố B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, người khởi kiện là ông Phan Toàn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo: Hội đồng xét xử chưa xác minh thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án và đã bỏ qua không xem xét đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ do người khởi kiện cung cấp. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:***

***Người kháng cáo - ông Phan Toàn T do ông Ngô Văn H làm đại diện theo ủy quyền, trình bày:*** Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cùng lời trình bày và yêu cầu của người khởi kiện và người đại diện của người khởi kiện như nội dung án sơ thẩm đã nêu, cụ thể ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T hủy Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND thành phố B.

***Luật sư Nguyễn Đình T1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, trình bày:*** Người bị kiện ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng, do UBND thành phố B chỉ căn cứ vào 02 tờ trình của UBND phường T và đều không căn cứ vào Quyết định giải quyết khiếu nại. Trong các văn bản trả lời, người bị kiện đều căn cứ vào Quyết định số 201/QĐ và Quyết định 4730/QĐ.CT.UBT, tuy nhiên đây là những quyết định giải quyết khiếu nại của ông T3.

Người bị kiện và Chủ tịch UBND phường không thực hiện đúng quy định, không lập thủ tục thu hồi đất và chưa xem xét trường hợp của ông T thực sự có nhu cầu sử dụng đất. Theo hồ sơ vụ án, UBND tỉnh Đ đã có văn bản giao UBND thành phố B lập thủ tục thu hồi toàn bộ diện tích 2,8ha của ông T3, trên cơ sở xem xét với các hộ dân trước đây, nếu thật sự khó khăn thì đề nghị xem xét để giải quyết giao đất theo quy định. Tuy nhiên, người bị kiện chưa xem xét hoàn cảnh khó khăn của ông T và hoàn toàn không có quyết định thu hồi đất của ông T là trái quy định của pháp luật về đất đai.

Thông báo số 21/TB-UBND yêu cầu ông T trả lại phần đất này vì UBND thành phố B có chủ trương giao đất cho hộ ông S là tự mâu thuẫn khi cho rằng đây là đất công nhưng lại giao cho người khác. Theo Luật Đất đai năm 1993, việc giao đất khi có người đang sử dụng chỉ được ban hành sau khi đã hoàn tất thủ tục thu hồi. Đồng thời, trước khi thu hồi đất phải thông báo lý do, thời điểm thu hồi nhưng thời điểm ban hành Thông báo này lại không đề cập đến lý do thu hồi.

Một số hộ dân khác cũng mua đất của ông T3 năm 1995 nhưng đã được xử lý thu hồi và bồi thường theo đúng quy định. Trên cùng một diện tích đất nhưng có hộ được bồi thường, hộ ông T không được xem xét là không bình đẳng. Trong suốt quá trình diễn ra sự việc, người dân đã khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền nhưng không được UBND xem xét, trả lời cho người dân biết.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

*Ông H thống nhất với trình bày và đề nghị của Luật sư T1.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

*Về tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

*Về nội dung:* Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, không chấp nhận đề nghị của Luật sư, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:*

*- Về tố tụng:*

[1] Đơn kháng cáo của ông Phan Toàn T còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

*- Về nội dung:*

[1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B:

[1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định:

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Phan Toàn T về hành vi vi phạm “Chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do UBND phường T quản lý (diện tích chiếm khoảng 241,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08.

*Hiện trạng sử dụng trên đất đã dựng nhà tạm, vách đất diện tích khoảng 80m<sup>2</sup>) vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.*

Thời điểm vi phạm của ông Phan Toàn T được phát hiện vào khoảng năm 2014 đến thời điểm lập Biên bản số 07/BB-VPHC đã hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, ngày 31 tháng 10 năm 2019, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Phan Toàn T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn chiếm. Sau đó, tại kết quả kiểm tra ngày 22 tháng 7 năm 2019, ông T chưa chấp hành khắc phục hậu quả nên Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ và Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 65, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 31, 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

[1.2] Xét nội dung các Quyết định hành chính bị kiện:

[1.2.1] Về Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019:

Xét, thửa 62, tờ bản đồ số 8 phường T, thành phố B có nguồn gốc nằm trong diện tích 2,8ha do ông Huỳnh Văn T3 mua lại từ năm 1975 sử dụng đến 1979 thì bỏ hoang không sử dụng, nên UBND phường T quản lý đưa vào quy hoạch trồng rừng. Năm 1992, ông T3 xin nhận lại diện tích đất. Ngày 11 tháng 01 năm 1995, UBND thành phố B ban hành văn bản số 14/UB, với nội dung giao UBND phường T điều tiết giao lại đất cho ông Huỳnh Văn T3. Đến ngày 08 tháng 5 năm 1995, UBND phường T lập thủ tục giao đất rừng cho ông Huỳnh Văn T3 với diện tích 1.650m<sup>2</sup>; sau đó ông T3 tự ý chuyển nhượng diện tích đất này cho 07 hộ dân, ngoài ra ông T3 còn lấn chiếm thêm diện tích 6.225m<sup>2</sup> và sang nhượng cho 09 hộ dân khác. Ngày 26 tháng 6 năm 1997, ông Dương Đức C và 12 hộ dân có đơn khiếu nại đến UBND thành phố B trình bày đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T3 và xây nhà ở ổn định. Sau đó, ông Huỳnh Văn T3 có đơn khiếu nại đòi lại đất.

Ngày 08 tháng 6 năm 1998, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 201/QĐ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn T3 và 12 người dân ở phường T với nội dung bác khiếu nại của ông T3 cùng đơn của 12 hộ dân, do ông T3 được giao 1.650m<sup>2</sup> nhưng đã sang bán trái phép và bao chiếm thêm 6.575m<sup>2</sup> đất khác cũng sang bán trái phép, các hộ nhận sang nhượng đất của ông T3 cũng không đúng lại xây dựng nhà trái phép. Không đồng ý, ông T3 tiếp tục khiếu nại.



Ngày 30 tháng 12 năm 1998, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 4730/QĐ.CT.UBT về việc bác khiếu nại của ông Huỳnh Văn T3, công nhận nội dung Quyết định số 201/QĐ ngày 08 tháng 6 năm 1998 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Theo đó, qua các văn bản của UBND phường T, UBND thành phố B xác định thửa 62, tờ bản đồ số 8 phường T do ông Dương Đức C lấn chiếm đất công dựng nhà ở; đến ngày 12 tháng 11 năm 2010, ông C chuyển nhượng cho ông Phan Toàn T bằng giấy viết tay.

Ngày 24 tháng 6 năm 2014, UBND phường T đã có Thông báo số 21/TB-UBND về việc trả lại đất công gửi đến ông Phan Toàn T cùng các hộ dân đang lấn chiếm đất. Sau khi nhận được thông báo nêu trên, ông T đã có đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố B và UBND thành phố B đã có văn bản số 25/UBND ngày 19 tháng 8 năm 2014 xác định khiếu nại của ông T là không cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 25 tháng 7 năm 2016 và ngày 05 tháng 9 năm 2016, ông T có đơn đề nghị giải quyết các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất. Ngày 02 tháng 12 năm 2016, UBND thành phố B đã có văn bản số 12551/UBND-TCĐ trả lời đơn của T xác định yêu cầu của ông T là không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, sau đó ông T vẫn không đồng ý tháo dỡ nhà và một số công trình trên đất để trả lại đất cho phường. Theo đó, ngày 15 tháng 3 năm 2019, UBND phường T đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC đối với ông Phan Toàn T về hành vi “*Chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do UBND phường T quản lý (diện tích chiếm khoảng 241,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08)*”. Nhưng, do hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nên Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ là có căn cứ, đúng pháp luật.

#### [1.2.2] Về Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019:

Như đã phân tích trên, việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ về buộc khắc phục hậu quả đối với ông Phan Toàn T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T không thực hiện Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ nên ngày 22 tháng 8 năm 2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Toàn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Áp dụng Điều 57, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 2 Điều 10, Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Bác kháng cáo của ông Phan Toàn T, giữ nguyên án sơ thẩm.
2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Toàn T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số 3296/QĐ-CCKPHQ ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.
3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Toàn T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lại thu số 0002970 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.
4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1)
- Các đương sự (8);
- Lưu VT (5), HS (2), 25b, (TK-PH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Tửu**

